

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 03/2023/HS-PT

Ngày: 23/3/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn S (Sang mã tấu), sinh ngày 23/3/2002; Tên gọi khác: S2; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ; anh chị em: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B đến ngày 21/12/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S: Ông Mai Thành T2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; (có mặt).

2. Nguyễn Thanh S1 (Kè), sinh ngày 13/8/1998; Tên gọi khác: K; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số C, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Ý; có vợ là Trần Thị

Thúy L1; có 01 con sinh năm 2019; Có 03 người em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B đến ngày 21/12/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn Minh T**, sinh ngày 21/6/2002; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số I, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L2 và bà Phạm Thị R; Bị cáo chưa có vợ; Có 01 anh sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B đến ngày 21/12/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Minh T*: Bà Lê Thị Mỹ H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; (có mặt).

4. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 03/12/2003; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K1 và bà Phạm Thị Đ1; Vợ, con chưa có; Có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B đến ngày 21/12/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn Trọng N, Trần Phúc H1, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Bị hại*:

1. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1995; (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre.

2. Anh Tôn Hoài P1, sinh năm 1982; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Tôn Hoài P1*: Ông Nguyễn Minh K2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29/01/2022, Nguyễn Văn S (Sg mã tấu) sau khi uống rượu tại nhà Trần Văn L3 (ngụ ấp A, xã A, huyện B) ra về thì bị người khác chém gây thương tích, S cho rằng Phạm Văn T3 là người chém mình nên điện thoại hẹn Nguyễn Văn M1 T, Nguyễn Thanh S1 (Kè), Nguyễn Văn Đ, Lê Văn P, Lê Văn Trọng N và Trần Phúc H1 đến nhà Nguyễn Văn S đi đánh Phạm Văn T3 trả thù.

Khoảng 09 giờ ngày 31/01/2022, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn P, Lê Văn Trọng N, Trần Phúc H1 tập hợp tại nhà của Nguyễn Văn S (ở xã A, huyện B) và bàn bạc thống nhất đi tìm chém Phạm Văn T3; Nguyễn Văn S lấy 02 cây mã tấu bỏ vào cái bao màu vàng; Nguyễn Thanh S1 chạy về nhà lấy 02 cây mã tấu, 01 cây bỏ vào bao màu vàng, còn 01 cây để trong cốp xe; Lê Văn Trọng N thì chuẩn bị 01 cây vũ ba khúc trong cốp xe. Sau khi chuẩn bị hung khí, Nguyễn Văn M1 T chở Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1 chở Lê Văn P cầm bao hung khí, Lê Văn Trọng N chở Trần Phúc H1, còn Nguyễn Văn Đ chạy xe một mình. Tất cả đeo khẩu trang chạy xe mô tô đến nhà của Trần Văn L3 tìm Phạm Văn T3 nhưng không gặp thì Nguyễn Thanh S1 mở cốp xe lấy 01 cây mã tấu ra bỏ thêm vào bao màu vàng cho Lê Văn P ôm, còn Lê Văn Trọng N mở cốp xe lấy cây vũ ba khúc đưa cho Trần Phúc H1 cầm rồi cả bọn chạy xe đến nhà Phạm Văn T3 ở ấp A, xã A. Khi đến nhà T3, Nguyễn Văn S và đồng bọn thấy Phạm Văn T3 đang ngồi uống rượu với Trần Văn L3 và Phạm Văn T4 – sinh năm 1993 ở ngoài sân bên hông nhà thì Lê Văn P ném bao màu vàng đựng 04 cây mã tấu xuống đất, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn M1 T, Lê Văn Trọng N và Lê Văn P mỗi người lấy 01 cây mã tấu rồi cùng đồng bọn chạy vào nhà T3. Thấy bị truy sát, Phạm Văn T3 liền nhặt cục gạch ném vào nhóm người của Nguyễn Văn S rồi bỏ chạy vào nhà trốn, còn anh Trần Văn L3 thì ngăn cản Nguyễn Văn S và đồng bọn không cho vào nhà, nhưng Nguyễn Thanh S1, Lê Văn Trọng N và Nguyễn Văn M1 T vẫn đập cửa xông vào nhà; Nguyễn Thanh S1 chém 01 nhát trúng vào vùng bụng của T3 gây thương tích, còn T dùng dao chém bể kính cửa sổ. Sau khi chém xong, Nguyễn Thanh S1 bỏ ra ngoài sân nói “chém trúng rồi, đi về” thì Nguyễn Văn S hô lên “về” rồi tất cả đồng bọn lên xe chạy về, còn T3 được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu điều trị.

Đến khoảng 17 giờ ngày 05/02/2022, Nguyễn Văn Đ đến nhà bà Đặng Thị M2 ở ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia uống rượu và hát karaoke với Trịnh Văn P2 (con ruột bà M2), Trần Đình P3, Đặng Quang P4 và Đặng Văn P5 cùng ngụ xã A, huyện B. Tại thời điểm này, nhà bà Trịnh Thị Ú (kê bên nhà Đặng Thị M2) cũng tổ chức uống rượu và hát karaoke gồm có Tôn Hoài P1, Trịnh Văn M3, Trịnh

Văn P6 cùng ngụ ấp A, xã V. Trong lúc uống rượu, gia đình nhà bà M2 và bà Ú xảy ra xích mích không hài lòng nhau về việc phía gia đình bà M2 mở nhạc karaoke quá lớn. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, phía gia đình nhà bà Ú nghỉ uống rượu và karaoke, anh Tôn Hoài P1 và anh Trịnh Văn M3 qua nhà kể bên đánh bi da. Lúc này, Nguyễn Văn Đ leo rào qua nhà bà Ú chửi bới gây sự với những người đang ngồi uống trà tại nhà bà Ú nhưng anh Trịnh Văn P2 đi qua can ngăn kéo Đ về. Khi về nhà P2, Đ tìm lấy con dao trở qua đứng trước cổng rào nhà bà Ú thì anh Tôn Hoài P1 đang đánh bi da cầm cây cơ đi ra ngoài cổng rào xem ai kêu liền bị Đ chém một nhát, anh P1 đưa tay lên đỡ trúng vào tay gây thương tích rồi Đ bỏ về nhà anh P2, còn anh P1 được người nhà đưa vào bệnh viện cấp cứu điều trị.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án Nguyễn Văn S cùng đồng bọn xảy ra ngày 31/01/2022 (chưa xử lý), gồm:

- 02 con dao dài 78cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 59cm và cong về một bên, cán dao màu đen bằng gỗ hình trụ dài 19cm, trên cán dao có quấn 03 vòng kim loại màu vàng đồng, 01 chiếc xe mô tô biển số 71C2-566.37 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei 1 862310057443939, Imei 2 962310057443921 do Nguyễn Văn S giao nộp.

- 01 con dao dài 75cm, lưỡi dao nhọn bằng kim loại dài 58cm, cán dao màu đen bằng gỗ hình trụ dài 17cm, trên cán dao có hoa văn và 01 vỏ bao con dao màu đen bằng gỗ dài 62cm, bên ngoài có hoa văn; 01 con dao bằng kim loại dài 66cm, lưỡi liền cán, mũi nhọn, cán dao có quấn sợi dây vải tròn màu đen và 01 vỏ bao con dao bằng vải màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei 1 865732058382336, số Imei 2 865732058382328 do Lê Văn P giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu trắng bạc, số Imei 1 862794052595712, số Imei 2 962794052595704 do Nguyễn Thanh S1 giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, số Imei 1 865941049889792, số Imei 2 865941049889784 do Nguyễn Văn Minh T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen, số Imei 1 869519059642214, số Imei 2 869519059642206 do Trần Phúc H1 giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng bạc, số Imei 1 865732058486053, số Imei 2 865732058486046 do Lê Văn Trọng N giao nộp.

- Thu tại hiện trường 03 mảnh kính thủy tinh bị bể vỡ.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án Nguyễn Văn Đ xảy ra ngày 05/02/2022 (chưa xử lý), gồm:

- T5 tại hiện trường 01 con dao dài 27cm có cán bằng nhựa màu đen dài 13cm; 04 đoạn gỗ gồm: 01 đoạn dài 1,32m có phần đầu hình chóp nhọn, 01 đoạn dài 68cm, 01 đoạn dài 49cm có 01 đầu bằng và 01 đầu gãy không rõ hình dạng, 01 đoạn gỗ dài 0,7cm.

- 01 con dao dài 57cm có cán bằng cây hình trụ dài 25cm và lưỡi bằng kim loại màu đen dài 32cm, mũi bằng do Đặng Quang P4 giao nộp; chưa xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 57-322/TgT ngày 09/3/2022, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của Phạm Văn T3 bị: Vùng hạ sườn trái kéo dài đến hông trái có vết thương kích thước 15 x 03cm thấu vào bụng, đứt toàn bộ cơ thành bụng và phúc mạc tại vùng bị tổn thương, vùng đại tràng ngang gần góc lách có vết thương vết thủng kích thước 10 x 03cm bờ sắc gọn, xì phân vàng, thám sát toàn bộ dạ dày, ruột non, các phần còn lại của đại tràng không phát hiện tổn thương. Phẫu thuật: Mang lỗ thủng đại tràng ngang ra da làm hậu môn nhân tạo: 36%, dẫn lưu ổ bụng, khâu lại cân cơ theo từng lớp. Hiện: Hậu môn nhân tạo cạnh rốn phải ra phân, vết thương lành sẹo kích thước 17 x 0,2cm: 02%, vết mổ đường giữa trên dưới rốn lành sẹo kích thước 16 x 0,2cm: 02%, vết sẹo mổ dẫn lưu hố chậu trái kích thước 0,5 x 0,5cm: 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 39%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây ra. 04 con dao gửi giám định có thể gây ra được vết thương của Phạm Văn T3

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 88-322/TgT ngày 16/3/2022, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của Tôn Hoài P1 bị vết thương vòng từ mặt trước cổ tay ra mặt mu bàn tay trái kích thước 12 x 04cm đứt gân duỗi cổ tay quay, gân duỗi ngón 2, 3, 4, 5, đứt bó mạch thần kinh trụ, gân gấp cổ tay trụ, gân gấp nông sâu các ngón 2, 3, 4, 5, thấu khớp cổ tay, gãy nát phần xương bàn 5: Xquang gãy xương bàn 5: 06%; phẫu thuật cột động mạch trụ cầm máu: 04%, khâu nối gân gấp, gân duỗi, thần kinh, khâu vết thương; hiện: Vết thương lành sẹo kích thước 12 x 0,2cm: 02%, vết mổ mặt lưng bàn tay lành sẹo kích thước 11 x 0,2cm: 02%, vết mổ mặt lòng bàn tay lành sẹo kích thước 06 x 0,2cm: 02%, bàn tay còn phù nề, bàn tay vuốt trụ (tổn thương nhánh thần kinh): 11%, ngón 2 bàn tay trái chưa gấp duỗi được (cứng khớp đốt bàn ngón): 07%, ngón 3 bàn tay trái chưa gấp duỗi được (cứng khớp đốt bàn ngón): 05%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 33%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc - nhọn gây ra. Con dao giám định có thể gây ra được thương tích của ông Tôn Hoài P1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 cửa sổ bằng kim loại màu trắng kích thước 01 x 1,2m có hai cánh lùa về hai bên, trên cánh cửa có nhiều khung kính (kính dày 04 ly) trị giá 960.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn S**, **Nguyễn Thanh S1**, **Nguyễn Văn Minh T**, **Lê Văn P**, **Trần Phúc H1**, **Lê Văn Trọng N**, **Nguyễn Văn Đ** phạm “ Tội cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S1** 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

2.4. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M1 Tân** 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

2.7. Căn cứ điểm đ khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 09 (Chín) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn S**, **Nguyễn Thanh S1**, **Nguyễn Văn Minh T**, **Lê Văn P**, **Trần Phúc H1**, **Lê Văn Trọng N**, **Nguyễn Văn Đ** và ông **Lê Văn P7** và bà **Nguyễn Thị Bích L4** là người đại diện cho bị cáo **Lê Văn Trọng N** có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo **N** bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bị hại **Phạm Văn T3** là 92.770.670 đồng.

3.2. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bị hại Tôn Hoài P1 là 65.165.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Văn P, Trần Phúc H1, Lê Văn Trọng N, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo luật định.

Ngày 03/01/2023, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T và Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo theo Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Các nội dung khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S phát biểu ý kiến: Bị cáo Nguyễn Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo thật sự ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, nhận thức hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Minh T phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, do bị cáo T không biết được về tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bị cáo T không có nộp cho Tòa sơ thẩm. Ngoài việc phạm tội này, bị cáo T không có phạm tội khác; bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Tôn Hoài P1 phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo và những nội dung khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện. Lời khai của các bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã được nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

Với bản tính hung hăng côn đồ và ý thức xem thường sức khỏe của người khác, nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 31/01/2022 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Lê Văn P, Trần Phúc H1, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Trọng N đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại Phạm Văn T3 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%. Ngoài ra, vào khoảng 19 giờ ngày 05/02/2022 tại ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi dùng dao chém bị hại Tôn Hoài P1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 33%.

[2.2] Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã quy kết các bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn Đ bị xét xử về hành vi phạm tội quy định tại điểm đ khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Lê Văn P, Trần Phúc H1, Lê Văn Trọng N bị xét xử về hành vi phạm tội quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ, đúng pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các

bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức và ý thức được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, quyết tâm thực hiện và mong muốn hậu quả xảy ra đối với bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra đau đớn về thể xác cho bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, nên phải xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người biết tuân thủ pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Vụ án ngày 31/01/2022 có tính chất đồng phạm giản đơn: Bị cáo Nguyễn Văn S là người rủ rê các bị cáo còn lại nên chịu trách nhiệm cao nhất, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, do đó mức án 07 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S là tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn S có nộp đơn xin xác nhận hộ nghèo để xin giảm nhẹ hình phạt, nội dung này không được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà chỉ được xem xét để miễn án phí và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Văn S.

[4] Bị cáo Nguyễn Thanh S1, bị cáo Nguyễn Văn M1 T là người thực hành nên chịu trách nhiệm kế tiếp, trong đó bị cáo Nguyễn Thanh S1 trực tiếp chém bị hại gây thương tích nên chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn Đ2 cũng là người thực hành trong vụ án xảy ra ngày 31/01/2022, gây thương tích đối với bị hại Phạm Văn T3 với tỉ lệ tổn thương cơ thể 39%, ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn Đ còn vô cớ dùng dao chém bị hại Tôn Hoài P1, hậu quả gây thương tích đối với bị hại Tôn Hoài P1 với tỉ lệ tổn thương cơ thể 33% trong vụ án xảy ra ngày 05/02/2022. Xét thấy, bị cáo Đ đã gây thương tích của 02 người trở lên mà tỉ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Đ không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về việc nhập vụ án để xét xử. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về hành vi phạm tội quy định tại điểm đ khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự với mức án 09 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã

xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (do các bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại). Riêng bị cáo Nguyễn Thanh S1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Thanh S1 và bị cáo Nguyễn Văn Minh T; từ đó quyết định mức án đầu khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh S1 và quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M1 T là đã xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy mức hình phạt đối với các bị cáo theo quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M1 Tân là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Tôn Hoài P1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T và Nguyễn Văn Đ; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[12] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[13] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Thanh S1, Nguyễn

Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn S, bị cáo Nguyễn Văn Minh T thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Nguyễn Văn Đ.

Giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn Minh T, Lê Văn P, Trần Phúc H1, Lê Văn Trọng N, Nguyễn Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S1** 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

2.3. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;